

B, ngày 03 tháng 10 năm 2018

Số: 30/2018/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị K** - Sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn K, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị K và anh Hoàng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị K và anh Hoàng Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Ly hôn chị Triệu Thị K và anh Hoàng Văn T thỏa thuận: Giao con chung là Hoàng Nhã L - Sinh ngày 16/11/2012 (Con khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho chị Triệu Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.4. *Về tài sản chung:* Chị K và anh T xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung:* Chị K và anh T xác nhận có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí:* Chị Triệu Thị K tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 08612 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Chị K được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Anh Hoàng Văn T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357/Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

Khoản 1 Điều 468 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”.*

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (NĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Triệu Thị Huyền